TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số 08/2021/DSST
Ngày 27-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Hồng Thái;

2.Bà Bùi Thị Lừng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Lê Thị Mạy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng đầu tư và mua bán nguyên liệu mía, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty VP; địa chỉ liên hệ: Km32 - Quốc lộ 25-Thôn MH, xã SH, huyện SH1, tỉnh Phú Yên. Do ông Trương Đức H làm đại diện theo văn bản ủy quyền số …2021/GUQ-RVP ngày 01/8/2021. Có mặt

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Đức M sinh năm 1964, bà Phan Thị L sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố M5, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố M1, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty VP trình bày:

Ngày 25/6/2019, công ty VP ký hợp đồng đầu tư và mua bán nguyên liệu mía số 100/HDĐT-MNL với hộ ông Trần Đức M. Theo đó, công ty đầu tư cho vợ chồng ông M bà L 2.500 kg phân bón trị giá 26.000.000 đồng, lãi suất trong

hạn là 0,7%/tháng, lãi suất quá hạn là 20%/tháng thời hạn trả nợ cuối là 30/4/2020. Nếu vợ chồng ông M vi phạm thời hạn trả nợ đầu tư thì phải chịu mức lãi phạt là 20%/tháng. Vợ chồng ông M cam kết bán cho công ty 300 tấn/vụ mía nguyên liệu, nếu vi phạm hợp đồng, không bán mía cho công ty, hoặc bán cho công ty, cá nhân khác thì phải bồi thường 20% sản lượng mía vi phạm.

Sau khi nhận tiền đầu tư, đến vụ thu hoạch mía 2019-2020, vợ chồng ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ đầu tư, không bán mía cho công ty mà đem bán cho người khác. Vì vậy Công ty VP khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc:

1. Vợ chồng ông M trả toàn bộ số nợ đầu tư 26.000.000 đồng tiền gốc, 1.638.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 25/6/2019 đến ngày 30/4/2020; 6.066.000 đồng lãi quá hạn tính từ 01/5/2020 đến 30/6/2021 với mức 20%/năm và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/7/2021 đến ngày trả hết nợ.

2. Buộc vợ chồng ông M phải bồi thường do vi phạm hợp đồng là 920.000 đồng/tấn x 300 tấn x 20% = 55.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông M đã trả hết toàn bộ 33.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho công ty nên nguyên đơn rút phần yêu cầu đối với tiền gốc và lãi nợ đầu tư, giữ nguyên phần yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn, vợ chồng ông Trần Đức M thống nhất trình bày: Vợ chồng ông có ký hợp đồng nhận đầu tư và cam kết bán mía cho công ty Rượu VP đúng như đại diện công ty trình bày, tuy nhiên ông M cho rằng vụ mía năm 2019 -2020 do ông M bị bệnh nên phải bán mía cho anh Nguyễn Hoài P. Anh Nguyễn Hoài P là người của nhà máy, anh P mua mía của ông phải có trách nhiệm nhập mía về công ty theo như hợp đồng giữa vợ chồng ông và công ty, vì vậy, vợ chồng ông không sai, không vi phạm hợp đồng, nên không chấp nhận trả tiền phạt bồi thường vi phạm theo yêu cầu của công ty.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Hoài P có bản tự khai trình bày: Anh P không mua mía của vợ chồng ông M của bà L, không thỏa thuận gì với vợ chồng ông M nên anh P không liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng ông M và công ty VP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm; xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 358, 360, 419 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ phần yêu cầu đối với số tiền gốc, lãi nợ đầu tư; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty VP: Buộc vợ chồng ông M bà L phải có trách nhiệm liên đới

bồi thường phạt vi phạm hợp đồng là 920.000 đ/tấn x 300 tấn x 20% = 55.200.000đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thẩm quyền xét xử: Công ty VP có đơn khởi kiện vợ chồng ông Trần Đức M cư trú tại khu phố M5, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty VP đối với vợ chồng ông M bà L thì đây là tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu.

[3]Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài P có yêu cầu xin xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]Về nội dung tranh chấp: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn Công ty VP cung cấp thì: Ngày 25/6/2019, vợ chồng ông M bà L ký hợp đồng với công ty về việc nhận 2.500 kg phân bón đầu tư 6 héc ta mía trị giá 26.000.000 đồng cho vụ mía 2019-2020, thời hạn trả là 30/4/2020, lãi suất thỏa thuận là 0,7%/tháng và cam kết bán cho công ty 300 tấn mía/01 vụ; hợp đồng cũng ghi nhận rõ sự thỏa thuận của các bên về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng. Các bên đương sự xác nhận việc ký kết hợp đồng số 100/HDĐT-MNL ngày 25/6/2019 là tự nguyện, không bị ép buộc, hợp đồng được lập thành văn bản, hai bên thống nhất ký tên và bên nguyên đơn đã giao toàn bộ số phân bón theo hợp đồng cho vợ chồng ông M. Vì vậy hợp đồng ký kết giữa công ty và vợ chồng ông M có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117, Điều 385, Điều 398, Điều 405 BLDS, các bên phải có nghĩa vụ tuân thủ và thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 418, Điều 419, Điều 434 BLDS.

Xét yêu cầu trả nợ gốc đầu tư của nguyên đơn: Vợ chồng ông M đã trả đủ 33.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho công ty vào ngày 24/9/2021, nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi nợ đầu tư.

Đối với yêu cầu bồi thường phạt vi phạm hợp đồng: Ông M xác nhận trước đó ông M cũng đã nhận đầu tư của công ty và khi bán mía về cho công ty phải theo một quy trình chặt chẽ, có chứng từ, tài liệu của công ty thể hiện việc nhập mía, trừ nợ đầu tư, trả tiền. Vụ mía năm 2019-2020 vợ chồng ông M không nhập mía cho công ty, mà bán đứt cho anh Nguyễn Hoài P tại ruộng, không thỏa thuận anh P phải nhập mía về công ty theo tên ông M và trả đầu tư thay cho ông

M mà nhận đủ tiền trực tiếp từ anh P, anh P không thừa nhận mua mía của vợ chồng ông M, vì vậy vợ chồng ông M thừa nhận sai, vi phạm hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông M bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận, buộc vợ chồng ông M phải bồi thường cho công ty số tiền: 300 tấn x 920.000 đồng/tấn x 20% = 55.200.000 đồng.

[5]Về án phí: Vợ chồng bị đơn có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định về án phí, lệ phí tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 là: 55.200.000 đồng x 5% = 2.760.000 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty VP 2.223.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005845 ngày 26/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

[6]Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 244, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 405, 418, 419, 434 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Buộc vợ chồng ông Trần Đức M bà Phan Thị L phải trả gốc và lãi tiền nợ đầu tư.

Chấp nhận phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty VP: Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Đức M bà Phan Thị L phải bồi thường cho Công ty VP 55.200.000[đ] (năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng) do vi phạm hợp đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Vợ chồng ông Trần Đức M bà Phan Thị L phải chịu 2.760.000 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty VP 2.223.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005845 ngày 26/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Đông